

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu
nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố
giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông thôn, nông dân theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 641/TTr-SNN-PTNT ngày 12 tháng 5 năm 2011 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành “Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015” và các văn bản số 826/SKHĐT-KT, ngày 15 tháng 02 năm 2011

của Sở Kế hoạch và Đầu tư, văn bản số 1643/STC-QHPX ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Sở Tài chính về việc góp ý dự thảo Quyết định ban hành Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Hội Nông dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích khuyến khích

Việc ban hành Quy định này nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hình thành nền nông nghiệp đô thị, phát triển hiệu quả và bền vững; xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung, bao gồm: phát triển nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch theo hướng nông nghiệp đô thị; phát triển ngành nghề nông thôn; trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp; diêm nghiệp, sơ chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp;

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ban hành Quy định này, đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Thời gian hưởng chính sách được áp dụng từ ngày phương án đầu tư được tổ chức tín dụng giải ngân vốn vay (sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt phương án đầu tư) đến hết ngày thực hiện phương án. Trong thời gian 03 tháng, nếu chủ đầu tư của các phương án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng không thực hiện đầu tư thì không được hỗ trợ lãi vay theo quy định này.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, các hộ gia đình, chủ trang trại, cá nhân (sau đây gọi là các Tổ chức, Cá nhân) trực tiếp sử dụng đất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp trên địa bàn thành phố và có phương án, đề án, dự án (sau đây gọi tắt là Phương án) đầu tư phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn của Thành phố.

2. Các Tổ chức, Cá nhân ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố và có phương án đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu hoặc có phương án tổ chức sơ chế sản phẩm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp phù hợp với mục tiêu và danh mục khuyến khích của Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thành phố.

3. Các Tổ chức, Cá nhân đầu tư sản xuất giống phù hợp với mục tiêu của chương trình giống cây, con chất lượng cao của thành phố.

4. Các Tổ chức, Cá nhân đã được hưởng ưu đãi theo các chính sách hỗ trợ lãi vay khác không thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ:

Trong quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Ngành nghề nông thôn*”: sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn, gồm: chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ ở nông thôn; xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn.

2. “*Nông nghiệp kỹ thuật cao*”, gồm: ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp; công nghệ sản xuất cây giống; kỹ thuật canh tác cây trồng; ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sản xuất vật liệu mới ứng dụng cho sản xuất nông nghiệp (áp dụng theo Tiêu chí công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp áp dụng cho các nhà đầu tư vào khu nông nghiệp công nghệ cao Thành phố).

3. “*Sản xuất nông nghiệp tốt*”: sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP).

4. “*Lãi suất vay vốn thực tế*”: mức lãi suất hỗ trợ cho các phương án đầu tư trong Quy định này được tính theo lãi suất thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng

thương mại trên địa bàn Thành phố, gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh công bố hàng tháng (loại trả lãi sau) cộng thêm phí quản lý 2%/năm.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Điều 5. Đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo đồng ruộng; cơ sở bảo quản, sơ chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản; cơ giới hóa sản xuất và phát triển ngành nghề nông thôn

Các Tổ chức, Cá nhân vay vốn đầu tư cơ sở hạ tầng để chuyển đổi vật nuôi, cây trồng, phát triển ngành nghề nông thôn, gồm: cải tạo đồng ruộng, xây dựng và nâng cấp bờ bao nội đồng, hệ thống tưới tiêu, đào ao, cải tạo ao, đầu tư chuồng trại, xây dựng hầm biogas, nhà lưới, nhà kính, xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề. Đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm và có ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp với nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm trên địa bàn thành phố.

Đầu tư ứng dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất, bao gồm: các loại máy móc, thiết bị cơ khí, xe cơ giới, xe tải, bạt nhựa sản xuất muối và dây chuyền thiết bị trong các lĩnh vực phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm và ngành nghề nông thôn. Đối với các tổ hợp hay hệ thống máy móc, thiết bị liên hoàn có liên quan với nhau mới hoạt động được, việc xét hỗ trợ sẽ tính chung cho toàn hệ thống.

1. Mức vay được hỗ trợ lãi vay: theo quy mô đầu tư của Phương án.

2. Mức hỗ trợ lãi vay:

a) Các Tổ chức, Cá nhân khi vay vốn từ tổ chức tín dụng được hỗ trợ 100% lãi suất vay thực tế.

b) Hộ nghèo vay từ Quỹ giảm nghèo - tầng hộ khá được ngân sách thành phố hỗ trợ 4%/năm.

c) Tổ hợp tác, Hợp tác xã nếu vay từ Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã áp dụng

theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thời hạn được ngân sách hỗ trợ lãi vay: theo chu kỳ sản xuất của phương án được duyệt, nhưng không vượt quá 05 (năm) năm trên một Phương án.

4. Phương thức thanh toán vốn và lãi vay:

a) Các tổ chức tín dụng và chủ phương án tự thỏa thuận lịch giải ngân và trả nợ vốn vay, lãi vay, hình thức đảm bảo tiền vay phù hợp với điều kiện thực tế của từng Tổ chức, Cá nhân xin vay và quy định của tổ chức tín dụng.

b) Việc chuyển trả phần lãi suất hỗ trợ được thực hiện theo Điều 10, 11 Chương III của Quy định này.

5. Điều kiện hỗ trợ: các loại máy móc, thiết bị cơ khí và dây chuyền thiết bị do các Tổ chức, Cá nhân (có cơ sở sản xuất đặt tại Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam) sản xuất và lắp ráp; có nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Điều 6. Đầu tư phát triển sản xuất; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn; sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận

Các Tổ chức, Cá nhân vay vốn sản xuất bao gồm: mua giống, vật tư, phân bón, thức ăn, thuốc, nhiên liệu, trả công lao động để sản xuất nông nghiệp hoặc mua nguyên nhiên vật liệu sản xuất phát triển ngành nghề nông thôn; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay như sau:

1. Mức cho vay được hỗ trợ lãi vay: theo quy mô đầu tư của Phương án.

Mức hỗ trợ lãi vay:

a) Đầu tư phát triển sản xuất; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; mua nguyên nhiên vật liệu sản xuất phát triển các ngành nghề nông thôn:

- Đối với các Tổ chức, Cá nhân vay từ các tổ chức tín dụng được ngân sách thành phố hỗ trợ 60% lãi suất vay thực tế.

- Đối với những hộ thuộc diện giảm nghèo nếu vay vốn của các tổ chức tín dụng được hỗ trợ 100% lãi suất vay thực tế. Nếu vay từ Quỹ giảm nghèo - tăng hộ khá được ngân sách thành phố hỗ trợ 4%/năm.

- Tổ hợp tác, Hợp tác xã nếu vay từ Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã thì áp dụng theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

b) Sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận:

- Đối với các Tổ chức, Cá nhân vay từ các tổ chức tín dụng, được ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% lãi suất vay thực tế.

- Tổ hợp tác, Hợp tác xã nếu vay từ Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã thì áp dụng theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thời hạn được ngân sách hỗ trợ lãi vay:

a) Đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất dưới 12 tháng: thời hạn hỗ trợ lãi vay không quá 12 tháng trên một Phương án.

b) Đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất từ 12 tháng trở lên: thời hạn hỗ trợ lãi vay theo chu kỳ sản xuất nhưng không vượt quá 03 (ba) năm trên một Phương án.

c) Đối với các đơn vị ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất, nhưng tối đa không quá 3 (ba) năm trên một Phương án.

d) Đối với sản xuất phát triển ngành nghề nông thôn: thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng trên một Phương án.

4. Phương thức thanh toán lãi và vốn vay:

a) Các tổ chức tín dụng và chủ phương án tự thỏa thuận lịch giải ngân và trả nợ vốn, lãi vay, hình thức đảm bảo tiền vay phù hợp với điều kiện thực tế của từng Tổ chức, Cá nhân xin vay và quy định của tổ chức tín dụng.

b) Việc chuyển trả phần lãi suất hỗ trợ được thực hiện theo Điều 10, 11 Chương III của Quy định này.

Điều 7. Đầu tư sản xuất giống:

1. Ngân sách thành phố ưu tiên đầu tư cho sản xuất giống phù hợp với Chương trình giống cây, con chất lượng cao của Thành phố.

a) Các chương trình, dự án nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất giống.

b) Công nghệ sản xuất giống cây, con, đảm bảo chất lượng và yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng đô thị.

c) Xây dựng, nhân rộng các mô hình khuyến nông trình diễn và chuyển giao kỹ thuật về công nghệ sản xuất và chế biến giống, tiếp cận công nghệ sản xuất giống, thay đổi tập quán sử dụng giống từ giống OP sang giống F1.

d) Tư vấn thiết kế, xây dựng thương hiệu, quảng bá thương hiệu, chứng nhận thương hiệu giống cây, con.

e) Mua giống ông bà, bố mẹ để phục vụ công tác sản xuất giống.

2. Hỗ trợ lãi vay vốn đầu tư: Các Tổ chức, Cá nhân đầu tư phát triển sản xuất giống, có phương án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay.

a) Mức vay được hỗ trợ lãi vay: tùy thuộc vào quy mô đầu tư của Phương án.

b) Mức hỗ trợ lãi vay:

- Ngân sách thành phố hỗ trợ 100% lãi suất vay thực tế.

- Tổ hợp tác, Hợp tác xã nếu vay từ Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã thì áp dụng theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thời hạn hỗ trợ lãi vay: với nguồn vốn đầu tư làm vốn cố định không vượt quá 05 (năm) năm trên một phương án; với nguồn vốn đầu tư làm vốn lưu động thời gian hỗ trợ được tính theo chu kỳ sản xuất.

d) Nguồn vốn vay: Từ nguồn vốn của các tổ chức tín dụng.

e) Phương thức thanh toán vốn và lãi vay:

- Các tổ chức tín dụng và chủ các Phương án tự thỏa thuận lịch giải ngân, trả nợ vốn, lãi vay, hình thức đảm bảo tiền vay phù hợp với điều kiện thực tế của từng Tổ chức, Cá nhân xin vay và quy định của tổ chức tín dụng.

- Việc chuyển trả phân lãi suất hỗ trợ được thực hiện theo Điều 10, 11 Chương III của Quy định này.

Chương III

QUY TRÌNH VÀ THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT

Điều 8. Tổ chức và thẩm quyền xét duyệt

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hỗ trợ vay vốn theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị cấp thành phố; Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp thành lập Hội đồng thẩm định hỗ trợ vay vốn theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị cấp quận - huyện.

a) Thành phần Hội đồng thẩm định cấp thành phố, gồm đại diện: Phòng Công nông nghiệp/Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh; Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Thành đoàn thành phố; Ban Chỉ đạo Giảm nghèo - Tăng hộ khá thành phố.

b) Thành phần Hội đồng thẩm định quận - huyện, gồm đại diện: Ủy ban nhân dân quận - huyện; Ủy ban nhân dân xã - phường; Phòng Kinh tế; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Hội Nông dân; Hội Phụ nữ; Đoàn Thanh niên; Ban Chỉ đạo giảm nghèo tăng hộ khá; Ngân hàng Chi nhánh tại các quận - huyện có thực hiện cho vay vốn theo Chính sách.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định các cấp: thẩm định nội dung của các Phương án đầu tư vay vốn theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 và trình Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định phê duyệt phương án được hưởng hỗ trợ lãi vay theo chính sách đối với các phương án đủ điều kiện, gồm: nội dung đầu tư (cơ cấu cây trồng, vật nuôi) có phù hợp với Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên từng địa bàn cụ thể; tính khả thi của phương án và các quy định khác tại Quy định này.

2. Thẩm quyền xét duyệt:

a) Các tổ chức tín dụng (kể cả Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã, Quỹ giảm nghèo - tăng hộ khá) và Hội đồng thẩm định quận - huyện có trách nhiệm thẩm định Phương án, xác định nhu cầu vay vốn của các Tổ chức, Cá nhân phù hợp với quy hoạch và chủ trương chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị đối với các hạng mục quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định này.

b) Đối với các Phương án do các Tổ chức, Cá nhân xin vay vốn để đầu tư đối với các hạng được quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này, được tổ chức tín dụng xác nhận đủ điều kiện vay vốn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thông qua Thường trực Hội đồng thẩm định vay vốn Thành phố thẩm định để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 9. Quy trình vay vốn

1. Đối với các Tổ chức, Cá nhân có nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi vay để đầu tư sản xuất nông, lâm, diêm, ngư nghiệp và ngành nghề nông thôn các hạng mục ở Điều 5; Điểm a, Khoản 2, Điều 6 Quy định này và có tổng vốn vay dưới 5 tỷ đồng thực hiện theo các bước:

a) Các hộ gia đình, cá nhân vay vốn dưới 100 triệu đồng, đăng ký với Ủy ban nhân dân xã - phường để tổng hợp xác nhận địa điểm đầu tư; gửi về Hội đồng thẩm định quận - huyện (Phòng Kinh tế quận - huyện) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện ra quyết định phê duyệt đối với các Phương án đủ điều kiện.

b) Các Tổ chức, Cá nhân vay vốn trên 100 triệu đồng, tự xây dựng phương án gửi về Ủy ban nhân dân xã - phường để xác nhận địa điểm đầu tư; gửi về Hội đồng thẩm định quận - huyện (Phòng Kinh tế quận - huyện) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện ra quyết định phê duyệt đối với các Phương án đủ điều kiện.

c) Giao cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để quy định rõ thời gian giải quyết hồ sơ ở mỗi bước.

2. Đối với các Tổ chức, Cá nhân có nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi vay để đầu tư sản xuất nông, lâm, diêm, ngư nghiệp và ngành nghề nông thôn các hạng mục ở Điều 5 có tổng vốn vay trên 5 tỷ đồng; Điểm b, Khoản 2, Điều 6 và Điều 7 Quy định này thực hiện theo các bước:

Các Tổ chức, Cá nhân tự xây dựng Phương án, gửi về Ủy ban nhân dân xã để xác nhận địa điểm đầu tư; sau đó chủ đầu tư gửi Phương án về Hội đồng thẩm định

quận - huyện (Phòng Kinh tế quận - huyện) để xem xét, đề xuất trình Hội đồng thẩm định cấp thành phố, thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Hộ nghèo vay từ Quỹ Giảm nghèo - Tăng hộ khá: Ban Giảm nghèo - Tăng hộ khá cấp xã thực hiện theo quy trình cho vay của nguồn Quỹ này. Đồng thời lập danh sách gửi về Ban Chỉ đạo giảm nghèo - Tăng hộ khá của quận - huyện giúp xây dựng Phương án chung trình Hội đồng thẩm định quận - huyện thẩm định và Ủy ban nhân dân quận - huyện ra quyết định phê duyệt đối với các Phương án đủ điều kiện vay.

Điều 10. Hồ sơ cấp bù lãi vay

1. Đối với các phương án do Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt:

Căn cứ theo phương thức hoàn trả lãi vay của phương án và thỏa thuận với tổ chức tín dụng, Phòng Kinh tế của các quận - huyện gửi hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ lãi vay của các phương án cho Phòng Tài chính - Kế hoạch của quận - huyện, bao gồm:

- Danh sách các Tổ chức, Cá nhân vay tiền của tổ chức tín dụng được hỗ trợ lãi vay theo quyết định phê duyệt của quận - huyện có ý kiến xác nhận của tổ chức tín dụng.

- Phiếu tính lãi vay theo khế ước nhận nợ do các tổ chức tín dụng tại thời điểm hỗ trợ lãi vay phát hành (bản photocopy) và căn cứ trên tài khoản vay.

2. Đối với các Phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:

a) Sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Phương án, chủ phương án gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước thành phố, gồm có:

- Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt phương án;

- Bản sao (có thị thực) Hợp đồng tín dụng đã ký với các tổ chức tín dụng;

- Bảng kê chi phí và phiếu tính lãi vay kèm khế ước nhận nợ do các tổ chức tín dụng tại thời điểm hỗ trợ lãi vay phát hành (bản photocopy) - với các khoản vay thuộc hạng mục chi phí đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ lãi vay;

- Công văn (hoặc giấy đề nghị cấp phát lãi vay theo mẫu) có xác nhận của tổ chức tín dụng cho vay: về thời gian hỗ trợ lãi vay, số dư nợ thực tế và tổng số tiền hỗ trợ lãi vay.

b) Căn cứ trên hồ sơ của chủ phương án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

tổng hợp và ra quyết định phân khai nguồn vốn hỗ trợ lãi vay. Trên cơ sở quyết định phân khai nguồn vốn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Thành phố thực hiện chuyển trả lãi vay cho chủ phương án theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền thanh toán lãi vay

1. Các Tổ chức, Cá nhân và tổ chức tín dụng tự thỏa thuận về thời gian giải ngân, phân kỳ trả nợ gốc, lãi vay.

2. Đối với các phương án do các tổ chức, cá nhân xin vay vốn để đầu tư các hạng mục ở Điều 5; Điểm a, Khoản 2, Điều 6 Quy định này và có tổng vốn vay dưới 5 tỷ đồng, ngân sách sẽ chuyển trả phần hỗ trợ lãi vay cho tổ chức cho vay định kỳ theo thỏa thuận giữa quận - huyện cho tổ chức tín dụng. Các tổ chức tín dụng chỉ thu phần chênh lệch còn lại ngoài phần hỗ trợ lãi suất từ ngân sách.

3. Đối với các phương án do các Tổ chức, Cá nhân xin vay vốn để đầu tư các hạng mục ở Điều 5 có tổng vốn vay trên 5 tỷ đồng; Điểm b, Khoản 2, Điều 6 và Điều 7 Quy định này, việc chuyển trả tiền hỗ trợ lãi vay do Kho bạc Nhà nước thành phố thực hiện cấp phát kinh phí cho chủ phương án theo quy định.

4. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm tổng hợp kinh phí hỗ trợ lãi vay gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phân khai nguồn vốn hỗ trợ lãi vay cho các quận - huyện.

5. Căn cứ kế hoạch hàng năm và báo cáo tiến độ thực hiện hỗ trợ lãi vay các Phương án, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thanh toán kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo đúng quy định và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ lãi vay theo định kỳ.

Điều 12. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện có sản xuất nông nghiệp

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn xác nhận đối tượng được vay vốn theo Quyết định này.

2. Chỉ đạo các Phòng, ban chức năng phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các Tổ chức, Cá nhân đăng ký, tập huấn và lập phương án vay vốn, hỗ trợ theo chính sách.

3. Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ lãi vay theo chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị (kể cả các hạng mục đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt), gửi các Sở, ngành có liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu hàng năm.

4. Căn cứ kế hoạch phân khai kinh phí hỗ trợ lãi vay hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận - huyện có kế hoạch dự toán rút kinh phí tại Kho bạc quận - huyện theo định kỳ để chuyển trả hỗ trợ lãi vay cho tổ chức tín dụng.

5. Các quận - huyện có trách nhiệm gửi các phương án đã được Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt về bộ phận thường trực - Chi cục Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh để tổng hợp, báo cáo. Hàng quý, 6 tháng, năm các quận - huyện phải tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện triển khai Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

6. Theo dõi tình hình sản xuất của các Tổ chức, Cá nhân đã phê duyệt Phương án; phối hợp với các tổ chức tín dụng kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của các tổ chức, cá nhân đúng mục đích. Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ và Ủy ban nhân dân các phường - xã kiểm tra, phù hợp với định hướng phát triển lâu dài trên địa bàn, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố ra văn bản điều chỉnh bổ sung sửa đổi vào hạng mục được hưởng hỗ trợ lãi vay.

7. Phòng Kinh tế quận - huyện có trách nhiệm xây dựng dự toán và sử dụng kinh phí Mức bồi dưỡng kiêm nhiệm của Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc thực hiện Chính sách và trình Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt áp dụng theo Công văn số 7113/UB-TM ngày 19 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các Thành viên, Ban chỉ đạo, Hội đồng và thành viên Tổ giúp việc.

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành thành phố

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Sở, ban, ngành đoàn thể phổ biến, tuyên truyền nội dung về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị cho các Tổ chức, Cá nhân. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm về tình hình thực hiện Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị.

- Hướng dẫn các Tổ chức, Cá nhân về tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao.

- Hàng năm có trách nhiệm xem xét và ra văn bản điều chỉnh bổ sung quy định về danh mục lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và địa bàn ưu tiên được hưởng Chính sách.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn kiểm tra tình hình sử dụng nguồn vốn vay, tham mưu xử lý đối với các trường hợp sử dụng vốn vay không đúng mục đích đối với các Phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Xây dựng dự toán và sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc thực hiện Chính sách và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm. Mức bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các thành viên các Sở, ngành và Tổ giúp việc của thành phố áp dụng theo Công văn số 7113/UB-TM ngày 19 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các Thành viên, Ban chỉ đạo, Hội đồng và thành viên Tổ giúp việc. Giao Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thực hiện.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Căn cứ vào kế hoạch và tổng kinh phí hỗ trợ lãi vay chương trình chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp của Ủy ban nhân dân các quận - huyện gửi về, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao kế hoạch chỉ tiêu cấp bù lãi vay.

- Cân đối đủ kinh phí hỗ trợ theo chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm để thực hiện Chính sách.

- Phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách tại các quận - huyện.

3. Giao Sở Tài chính:

- Hướng dẫn các Phòng, ban quận - huyện về thủ tục chuyển trả tiền hỗ trợ lãi vay cho các Tổ chức, Cá nhân thông qua các tổ chức tín dụng.

- Phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách tại các quận - huyện.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

- Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

- Hàng tháng có văn bản thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các quận, huyện về mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng kỳ hạn 12 tháng (loại lãi trả sau) của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố (theo Khoản 4, Điều 4 của Quy định này).

5. Kho bạc Nhà nước thành phố:

- Hướng dẫn và thực hiện việc chuyển trả phần kinh phí hỗ trợ lãi vay cho các Phương án theo quy định.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm về tình hình chuyển trả lãi vay thực hiện theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

6. Các tổ chức tín dụng (kể cả Quỹ giảm nghèo - tăng hộ khá; Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã):

- Phối hợp với Hội đồng thẩm định quận - huyện thẩm định các Phương án vay vốn của các Tổ chức, Cá nhân thực hiện Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị.

- Tự chịu trách nhiệm về việc xét duyệt, quyết định cho vay và lập thủ tục cho vay trực tiếp đối với các Tổ chức, Cá nhân do Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt theo quy định và có trách nhiệm giải ngân vốn vay trong vòng 3 tháng kể từ ngày phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Các Tổ chức, Cá nhân thực hiện vay vốn được hỗ trợ lãi vay của chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị

- Thực hiện đăng ký hoặc xây dựng Phương án vay vốn có hỗ trợ lãi vay theo đúng quy định.

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo các Phương án do các cấp thẩm quyền đã phê duyệt.

- Thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc; lãi vay cho các tổ chức tín dụng theo đúng quy định.

Điều 15. Kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra việc sử dụng vốn vay của các Tổ chức, Cá nhân theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị.

2. Định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện tại các quận - huyện.

3. Xử lý các Tổ chức, Cá nhân sử dụng vốn vay không đúng mục đích như sau: Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm ra quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ lãi vay đối với trường hợp do Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt phương án, tham mưu đề xuất Hội đồng thẩm định cấp thành phố đối với các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Các Tổ chức, Cá nhân đã vi phạm sử dụng vốn vay không đúng mục đích sẽ không được tiếp tục xem xét giải quyết hỗ trợ lãi vay cho các Phương án khác theo Quy định này.

4. Trường hợp thực hiện Phương án sản xuất kéo dài, không phải do thiên tai, bệnh dịch, ngân sách thành phố sẽ không xem xét để tiếp tục hỗ trợ lãi vay, chủ phương án vay vốn tự chịu trách nhiệm thanh toán phần lãi do nợ quá hạn.

5. Trường hợp phát sinh rủi ro trên diện rộng do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh), việc thực hiện xử lý rủi ro áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức hướng dẫn kiểm tra thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có sự không phù hợp với thực tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp thông qua Hội đồng thẩm định Thành phố tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**SO SÁNH NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA “CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN DỊCH
CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ”
VỚI QUYẾT ĐỊNH 105 VÀ 15**

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
1	<p>Tên: Quyết định về việc ban hành quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010</p> <p>Gồm: 3 Chương, 9 Điều</p>	<p>Tên: Quyết định về việc ban hành quy định Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn TP giai đoạn 2011 - 2015</p> <p>Gồm: 3 Chương, 16 Điều, các điều bổ sung, chỉnh sửa gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 4: Điều giải thích từ ngữ - Điều 9: Quy trình vay vốn - Điều 10: Hồ sơ cấp bù lãi vay - Điều 11: Thẩm quyền thanh toán lãi vay - Điều 12: Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện có sản xuất nông nghiệp - Điều 13: Trách nhiệm của các sở ban ngành thành phố - Điều 14: Các tổ chức, cá nhân - Điều 15: Kiểm tra và xử lý vi phạm 	<p>- Quyết định 105, 15 đã hết hiệu lực phê duyệt vào ngày 31/12/2010, cần xây dựng cơ chế chính sách mới cho phù hợp với giai đoạn mới 2011 - 2015.</p> <p>Lý do: Nhằm cụ thể hóa các bước, quy trình vay vốn, thẩm định hơn nữa so với quyết định 105.</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
2	<p>Mục đích:</p> <p>Thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hình thành nền nông nghiệp đô thị năng suất cao, sản xuất tập trung, phát triển bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, từng bước hình thành trung tâm giống cây trồng, vật nuôi cho cả khu vực.</p>	<p>Mục đích:</p> <p>Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hình thành nền nông nghiệp đô thị, phát triển hiệu quả và bền vững; xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại.</p>	<p>- Tiếp tục thực hiện quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh;</p> <p>- Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, phát triển nông nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận.</p> <p>- Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại.</p>
3	<p>Nội dung:</p>		
3.1	<p>Điều 4: Khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo đồng ruộng</p> <p>Điều 7: Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm.</p>	<p>Điều 5: Khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo đồng ruộng, cơ sở bảo quản, sơ chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản; cơ giới hóa sản xuất và phát triển ngành nghề nông thôn; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; xây dựng hầm biogas:</p>	<p>- Nhập hạng mục ở Điều 4 và một phần của Điều 7 thành Điều 5, đồng thời thêm hạng mục: cơ giới hóa sản xuất và phát triển ngành nghề nông thôn; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; xây dựng hầm biogas.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Nhằm đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất nông nghiệp</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
	<p>*Mức hỗ trợ lãi vay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã: 100% lãi suất cơ bản (khoảng 9%/năm). - Doanh nghiệp: 70% lãi suất cơ bản (khoảng 6,3%/năm). 	<p>*Mức hỗ trợ lãi vay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá tổ chức, cá nhân: hỗ trợ theo lãi suất vay thực tế, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại). - Hộ nghèo vay từ Quỹ GN được hưởng 4%/năm. - Tổ hợp tác, HTX nếu vay từ Quỹ CCM áp dụng theo Quyết định 3749/QĐ-UBND, ngày 24/8/2010 (đối với HTX thành lập mới hỗ trợ 100% lãi vay trong 3 năm đầu (khoảng 12%), 50% lãi vay trong 2 năm sau (6%); đối với HTX đang kiện toàn củng cố hỗ trợ 50% lãi suất quy định (6%) tối đa 3 năm). 	<p>để thay thế lực lượng lao động khan hiếm và hạ giá thành sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cụ thể hóa các hạng mục đầu tư. + Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại. <p>- <u>Mức hỗ trợ ở Quyết định 105, 15</u> là thấp so với tình hình biến động của lãi suất thị trường hiện hay. Theo đề xuất của các quận - huyện cần nâng mức hỗ trợ cao hơn. Theo chính sách mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân, tổ chức được hưởng cao hơn: cao hơn khoảng 7%/năm (ở mức tối đa được hưởng là 16%/năm). - Doanh nghiệp: cao hơn 7,7%/năm (ở mức tối đa được hưởng là 16%/năm). Do nâng mức hỗ trợ bằng với cá nhân, hộ gia đình nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp liên kết, hỗ trợ nông dân, các tổ hợp tác, hợp tác xã, trang trại sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. - HTX, THT mới Thành lập cao hơn so với QĐ105,15 là 3%/năm; HTX, THT củng cố kiện toàn là 0,3%/năm.

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
3.2	<p><u>Điều 5:</u> Khuyến khích đầu tư sản xuất, <u>cụ thể:</u></p> <p>Các tổ chức, cá nhân vay vốn sản xuất bao gồm: mua giống, vật tư, phân bón, thức ăn, thuốc, nhiên liệu, trả công lao động được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay.</p>	<p><u>Điều 6.</u> Đầu tư phát triển sản xuất; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn; sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận, <u>cụ thể:</u></p> <p>Các tổ chức, cá nhân vay vốn sản xuất bao gồm: mua giống, vật tư, phân bón, thức ăn, thuốc, nhiên liệu, trả công lao động để sản xuất nông nghiệp hoặc mua nguyên nhiên vật liệu sản xuất phát triển ngành nghề nông thôn; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận.</p>	<p><i>-Bổ sung thêm hạng mục:</i> ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận.</p> <p><u>Lý do:</u> nhằm tạo điều kiện hỗ trợ phát triển các ngành nghề nông thôn góp phần giải quyết việc làm nâng cao thu nhập cho người dân ở nông thôn, đẩy mạnh việc liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp cho nông dân; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh việc sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất nông nghiệp tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn GAP.</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
	<p>*Mức hỗ trợ lãi vay:</p> <p>-Hộ nghèo:100% lãi suất cơ bản (9%/năm) và 4%/năm nếu vay từ Quỹ Giảm nghèo.</p> <p>-Cá nhân, tổ chức: 70% lãi suất cơ bản (6,3%/năm).</p>	<p>* Mức hỗ trợ lãi vay:</p> <p><i>Chia thành 2 nhóm:</i></p> <p>a. Đầu tư phát triển sản xuất; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn:</p> <p>+ Hộ nghèo: hỗ trợ theo lãi suất lãi thực tế, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại).</p> <p>+ Cá nhân, tổ chức: hỗ trợ 60% lãi suất vay thực tế, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại).</p> <p>+ Tổ hợp tác, HTX nếu vay từ Quỹ CCM áp dụng theo Quyết định 3749/QĐ-UBND, ngày 24/8/2010. - Tổ hợp tác, HTX nếu vay từ Quỹ CCM áp dụng theo Quyết định 3749/QĐ-UBND, ngày 24/8/2010 (đối với HTX thành lập mới hỗ trợ 100% lãi vay trong 3 năm đầu (khoảng 12%), 50% lãi vay trong 2 năm sau (6%);</p>	<p>* Mức hỗ trợ lãi vay:</p> <p>Mức hỗ trợ ở Quyết định 105, 15 là thấp so với tình hình biến động của lãi suất thị trường hiện nay. Theo đề xuất của các quận - huyện cần nâng mức hỗ trợ cao hơn.</p> <p>- Hộ nghèo: hiện nay <i>cao hơn khoảng 7%/năm (ở mức tối đa được hưởng là 16%/năm)</i>.</p> <p>- Cá nhân, tổ chức: hiện nay cao hơn <i>3%/năm (ở mức tối đa được hưởng là 16%/năm)</i>.</p> <p>- HTX, THT mới thành lập cao hơn so với QĐ105,15 là 3%/năm; HTX,THT củng cố kiện toàn là 0,3%/năm.</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CĂN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
		<p>đối với HTX đang kiện toàn củng cố hỗ trợ 50% lãi suất quy định (6%) tối đa 3 năm).</p> <p><i>b. Đầu tư sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất nông nghiệp tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn GAP.</i></p> <p>+ Tổ chức, cá nhân: tề hỗ trợ theo lãi suất vay thực tế, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại).</p> <p>- Tổ hợp tác, HTX áp dụng theo Quyết định 3749/QĐ-UBND, ngày 24/8/2010 - mức hỗ trợ lãi vay như trên.</p>	<p>- Lĩnh vực mới bổ sung, nhằm khuyến khích các hộ, cá nhân, tổ chức đầu tư sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, hình thành nền nông nghiệp đô thị.</p> <p>+ <i>Mức tối đa được hưởng hiện nay 16%/năm.</i></p>
3.3	<p><u>Điều 6: Đầu tư sản xuất giống:</u></p> <p>Mức hỗ trợ lãi vay: 100% lãi vay.</p>	<p><u>Điều 7: Đầu tư sản xuất giống:</u></p> <p>Mức hỗ trợ lãi vay: hỗ trợ theo lãi suất lãi thực tế, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại).</p>	<p>- Mức hỗ trợ lãi vay này có thấp hơn từ 3 - 4%/năm, do không chế mức tối đa (không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2%) - nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các mức hỗ trợ ở các điều khoản.</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
4.	<u>Điều 8:</u> Quy trình và tổ chức thực hiện	<u>Tách thành:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 8: Tổ chức và thẩm quyền xét duyệt - Điều 9: Quy trình vay vốn - Điều 10: Hồ sơ cấp bù lãi vay - Điều 11: Thẩm quyền thanh toán lãi vay - Điều 12: Trách nhiệm UBND các quận (huyện) - Điều 13: Trách nhiệm các sở ngành - Điều 14: Các tổ chức, cá nhân vay vốn - Điều 15: Kiểm tra và xử lý vi phạm. 	Rút kinh nghiệm từ việc triển khai Chương trình 105, nhằm cụ thể hóa hơn nữa các bước, quy trình thực hiện, để dễ dàng triển khai thực hiện.

PHỤ LỤC 1:
TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÌNH HÌNH VAY VỐN THEO CHƯƠNG TRÌNH 105 TỪ NĂM 2006 - 2010

Bảng 1: Tình hình thực hiện Chương trình 105 đến tháng 12/2010

Stt	Quận - huyện	Số phương án	Số hộ (hộ)		Số vốn đầu tư (triệu đồng)		Số vốn vay (triệu đồng)		Vốn giải ngân (triệu đồng)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)	(I = I/G)	(K)
1	Cần Giờ	280	8.468	56,95	1.281.275	50,14	828.723	51,47	588.393	71,0
2	Củ Chi	447	3.245	21,83	719.275	28,15	433.524	27,07	277.455	64,0
3	Nhà Bè	628	1.458	9,81	121.763	4,76	88.053	5,5	82.770	94,0
4	Hóc Môn	249	788	5,3	107.593	4,21	67.009	4,18	44.896	67,0
5	Bình Chánh	490	548	3,69	142.235	5,57	90.353	5,64	84.028	93,0
6	Thủ Đức	34	153	1,03	56.909	2,23	36.325	2,27	31.603	87,0
7	Quận 9	68	135	0,91	50.276	1,97	30.508	1,9	30.508	100,0
8	Quận 12	35	37	0,25	19.484	0,76	11.265	0,7	11.265	100,0
9	Quận 2	8	28	0,19	19.527	0,76	5.079	0,32	5.079	100,0
10	Bình Tân	7	7	0,05	30.205	1,18	10.650	0,67	10.650	100,0
Tổng cộng		2.247	14.868	100	2.555.366	100	1.601.489	100	1.169.087	73,0
Trong đó: XDGN		420	3.050	20,51	40.798	1,6	23.585	1,47	-	-

Bảng 2: Phân chia cơ cấu theo hạng mục

Stt	Hạng mục đầu tư	Tổng vốn đầu tư		Vốn vay	
		Số lượng (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cải tạo đồng ruộng	37.151	1,46	26.006	1,62
2	Phát triển sản xuất	2.511.215	98,27	1.571.983	98,16
3	Giống	7.000	0,27	3.500	0,22
	Tổng cộng	2.555.367	100	1.601.489	100,00

Bảng 3: Tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình 105 - chia theo ngành nghề

Stt	Ngành nghề	Vốn đầu tư		Vốn vay		Số hộ	
		Số lượng (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	- Tôm (ha)	1.075.554	42,09	725.475	45,3	8.554	57,53
2	- Hoa, cá kiểng (ha)	293.612	11,49	165.754	10,35	358	2,41
3	- Khác (ha)	248.893	9,74	140.771	8,79	1.102	7,41
4	- Heo (con)	246.593	9,65	172.801	10,79	1.201	8,08
5	- Bò (con)	226.917	8,88	114.186	7,13	1.911	12,85
6	- Nghêu (ha)	211.329	8,27	121.713	7,6	555	3,73
7	- Muối (ha)	96.848	3,79	48.045	3	501	3,37
8	- Cá sấu (con)	94.037	3,68	59.095	3,69	40	0,27
9	- Cá (ha)	45.486	1,78	38.436	2,4	494	3,32
10	- Rau an toàn (ha)	16.099	0,63	15.214	0,95	153	1,03
	Tổng	2.555.366	100	1.601.489	100	14.868	100

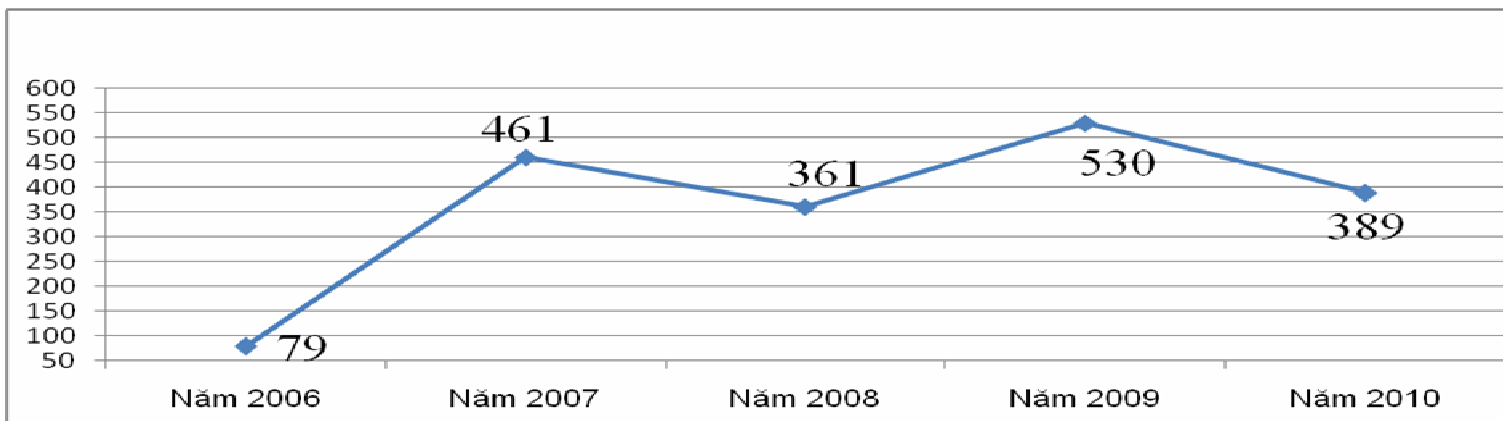
Bảng 4: Tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình 105 - chia theo đối tượng đến tháng tháng 12/2010

Stt	Đối tượng	Số đề án	Số hộ (hộ)	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Tổng vốn vay (triệu đồng)	Bình quân vốn vay/hộ	Tỷ lệ %/vốn vay
1	Hộ Nông dân	1.816	11.807	2.441.202	1.526.757	129,31	95,33
2	Hộ Xóa đói giảm nghèo	420	3.050	40.798	23.585	7,73	1,47
3	Doanh nghiệp	11	11	73.366	51.147	4.649,73	3,19
Tổng cộng		2.247	14.868	2.555.366	1.601.489	107,71	100,00

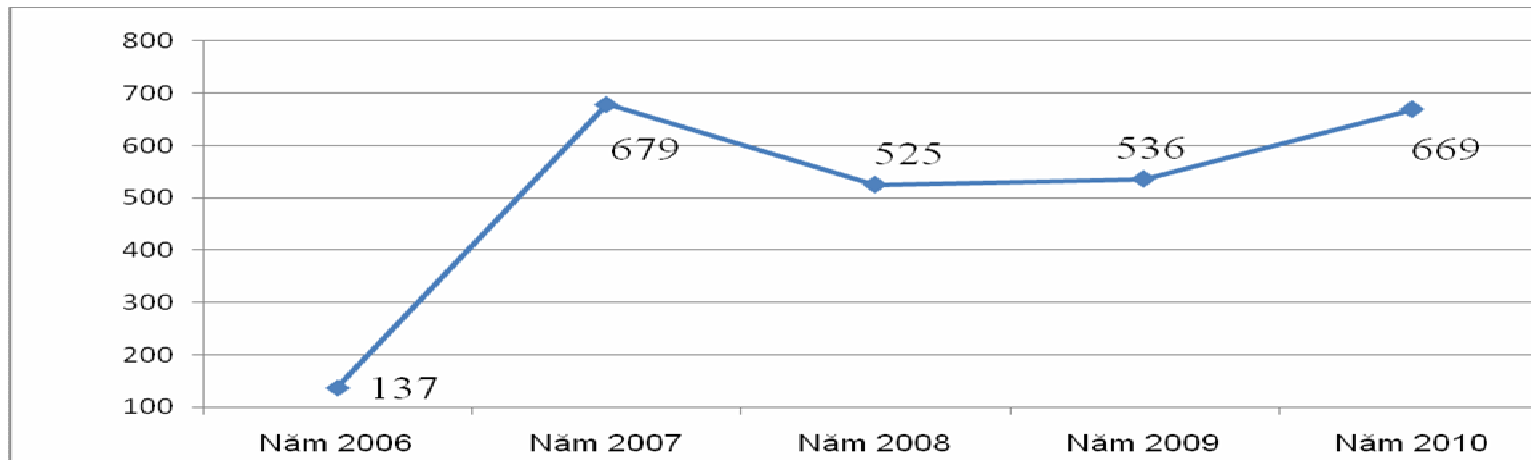
Bảng 5: Phân chia tình hình thực hiện Chương trình 105 theo từng năm

NĂM	Số phương án	Số hộ (hộ)	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Tổng vốn vay (triệu đồng)	Vốn vay bình quân/hộ
2006	79	1.309	137.312,7	81.141,2	62,0
2007	461	5.924	679.376,0	406.684,7	68,7
2008	361	2.927	525.255,7	302.765,3	103,4
2009	530	2.591	536.257,6	337.086,9	130,1
2010	389	2.082	668.693,5	396.735,1	190,6

Biểu đồ 1: Số phương án vay vốn 2006 - 2010



Biểu đồ 2: Số vốn vay theo Chương trình 105 từ năm 2006 - 2010



Bảng 6: Tình hình cấp bù kinh phí hỗ trợ lãi vay tính đến tháng 12/2010

STT	Quận - huyện	Số tiền đã cấp bù (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Huyện Cần Giờ	23.751.280.000	40,91
2	Huyện Củ Chi	19.129.000.000	32,95
3	Huyện Bình Chánh	4.467.390.000	7,69
4	Huyện Hóc Môn	2.490.070.000	4,29
5	Huyện Nhà Bè	2.399.540.000	4,13
6	Quận 9	2.037.924.174	3,51
7	Quận Thủ Đức	1.812.365.000	3,12
8	Quận Bình Tân	965.296.000	1,66
9	Quận 12	601.849.000	1,04
10	Quận 2	404.000.000	0,7
	Tổng cộng	58.058.714.174	100

- Bình quân/năm: 11,6 tỷ đồng/năm

PHỤ LỤC 2:

Ước tính vốn đầu tư, vốn vay, vốn hỗ trợ lãi vay theo chính sách mới giai đoạn 2011 - 2015

Năm	Số phương án	Số hộ (hộ)	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Vốn vay (triệu đồng)	Vốn giải ngân (triệu đồng)	Lãi suất cấp bù (triệu đồng)
2011	220	1502	181.187,33	108.712,40	86.969,92	9.462,33
2012	422	5426	715.598,65	429.359,19	343.487,35	29.897,14
2013	485	3936	812.266,90	487.360,14	389.888,11	33.935,86
2014	558	2729	649.576,96	389.746,18	311.796,94	27.138,81
2015	471	2521	931.234,81	558.740,89	446.992,71	38.906,25
Tổng	2157	16114	3.289.864,66	1.973.918,79	1.579.135,04	139.340,38

Căn cứ dự báo:

- Dựa vào số liệu 5 năm trước (2006 - 2010);
- Mức giá đầu tư bình quân hàng năm tăng 15%;
- Số vốn vay chiếm 60% vốn đầu tư;
- Vốn giải ngân chiếm 80% vốn vay (giai đoạn trước 70%);
- Người dân đã có kinh nghiệm trong việc lập các dự án đầu tư vay vốn ngân hàng theo chương trình trước;
- Mức lãi suất hỗ trợ lãi vay tăng hơn so với quyết định trước, nên khuyến khích người dân tiếp cận nhiều hơn với chương trình này;
- Cán bộ cấp xã, huyện có kinh nghiệm trong việc thực hiện chính sách trước.

DANH MỤC

Các đối tượng, địa bàn được hưởng Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Lĩnh vực trồng trọt:

1.1. Trồng rau, dưa hấu: tại các vùng được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn và các vùng được các quận (huyện) chuyển đổi trồng rau.

1.2. Nuôi trồng nấm các loại: các quận (huyện) sử dụng nguồn nước tưới hợp vệ sinh.

1.3. Nhóm hoa cây kiểng: các huyện và quận vùng ven có sản xuất nông nghiệp.

- Trồng hoa lài: quận 12 và các huyện: Hóc Môn, Củ Chi.

1.4. Trồng cây ăn trái chuyên canh:

+ Các xã dọc theo sông Sài Gòn thuộc các huyện: Củ Chi, Hóc Môn; quận Thủ Đức; dọc sông Đồng Nai quận 9.

+ Các xã thuộc huyện Bình Chánh.

+ Các xã thuộc huyện Cần Giờ.

1.5. Nhóm cây thức ăn chăn nuôi thuộc các huyện: Củ Chi, Hóc Môn và Bình Chánh.

1.6. Nhóm cây công nghiệp (sản xuất theo vùng tập trung).

2. Lĩnh vực chăn nuôi:

- Chăn nuôi bò sữa: các huyện: Củ Chi, Hóc Môn và Bình Chánh; quận 12.

- Chăn nuôi bò thịt, ưu tiên nuôi vỗ béo bò sữa lấy thịt: các huyện: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh và Cần Giờ.

- Chăn nuôi heo: các huyện: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè và Cần Giờ; quận 9, quận 12.

- Chăn nuôi các loại khác: thỏ, trùn, dê,...: các huyện, quận vùng ven có sản xuất nông nghiệp.

3. Lĩnh vực thủy sản:

- Nuôi tôm nước lợ, mặn: các huyện: Cần Giờ, Nhà Bè.
- Nuôi cá nước ngọt: các huyện: Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè và Cần Giờ; quận 9, quận 12.
- Nuôi cá: Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ, quận 9, quận 12.
- Nuôi nghêu, sò, hào, vọt: huyện Cần Giờ.
- Cua, lươn, ếch, baba: các huyện, quận ven có sản xuất nông nghiệp.
- Trại thuần dưỡng giống thủy sản, sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản: huyện Cần Giờ.
- Lập bè theo qui hoạch: các huyện: Cần Giờ và Nhà Bè; quận 9.
- Cá cảnh: các huyện, quận ven có sản xuất nông nghiệp.

4. Lĩnh vực lâm, diêm nghiệp:

- Sản xuất muối ở huyện Cần Giờ;
- Ươm giống cây lâm nghiệp, các huyện: Bình Chánh và Củ Chi.
- Cá sấu, trăn, rắn, nhím,... ở những vùng có điều kiện.

5. Chung loại máy cơ giới hoá sản xuất và chế biến được hỗ trợ:

- Trồng trọt: Máy làm đất, gieo cấy, thu hoạch, máy liên hợp;
- Trong chăn nuôi: máy vắt sữa, máy xay - nghiền thức ăn, máy trộn thức ăn, máy bơm điện, hệ thống cải tạo tiêu khí hậu chuồng nuôi;
- Trong thủy sản: máy bơm - thoát, tạo oxy (máy nén, máy dầu);
- Chế biến và ngành nghề nông thôn: máy sấy, máy cắt, máy xay, máy ép; muối (làm đất, vận chuyển); thiết bị giết mổ, xe chuyên dụng, các công cụ, dụng cụ phục vụ cho phát triển ngành nghề nông thôn.

Các loại máy nêu trên không phân biệt chủng loại, địa bàn, có mặt trên thị trường và do người mua tự lựa chọn theo nguyên tắc thỏa thuận với người bán. Đối với các tổ hợp hay hệ thống máy móc, thiết bị liên hoàn có liên quan với nhau mới hoạt động được, việc xét hỗ trợ sẽ tính chung cho toàn hệ thống.

Điều kiện hỗ trợ: các loại máy móc, thiết bị cơ khí và dây chuyền thiết bị do các Tổ chức, Cá nhân (có cơ sở sản xuất đặt tại Việt Nam, được thành lập và hoạt động

theo luật pháp Việt Nam) sản xuất và lắp ráp; Có nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 89/2006/CPNĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

6. Sản xuất phẩm nông nghiệp sạch; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận:

6.1. Sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao:

- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp bao gồm:

a) Ứng dụng sinh học phân tử trong giám định bệnh hại cây trồng; Công nghệ sản xuất và ứng dụng các bộ KIT chẩn đoán nhanh bệnh hại cây trồng và vật nuôi: Thuốc thử, que thử (test strip), đoạn mồi (primers), kháng thể (antibody)...

b) Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất phân hữu cơ, thuốc Bảo vệ thực vật, sản phẩm nấm (nấm ăn, dược liệu), sản xuất các chế phẩm xử lý môi trường...

- Công nghệ sản xuất cây giống bao gồm:

a) Công nghệ nhân giống truyền thống có cải tiến (Nuôi cấy mô hom; vi ghép...);

b) Công nghệ nuôi nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào thực vật (tissue culture, anther culture);

c) Chọn tạo giống mới bằng gây đột biến gen (sử dụng kỹ thuật phóng xạ hạt nhân, hóa chất...);

d) Công nghệ lai tạo giống có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử.

- Kỹ thuật canh tác cây trồng gồm:

a) Kỹ thuật canh tác không dùng đất: Thủy canh (hydroponic), màng dinh dưỡng (deepend and floating board technology), khí canh, trồng cây trên giá thể;

b) Sử dụng hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động;

c) Sử dụng hệ thống nhà kính, nhà lưới, nhà màng PE (polyethylene) có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động;

- Ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản (điều chỉnh thành phần không khí: O₂, N₂, CO₂,...sử dụng enzym, màng thông minh,...) và chế biến nông sản.

- Công nghệ sản xuất vật liệu mới và ứng dụng để sản xuất giá thể, khay ươm cây giống, màng phủ nông nghiệp, màng bao trái, chất bảo quản nông sản, sản xuất các vật liệu cho hệ thống nhà màng, hệ thống tưới...

- Ứng dụng công nghệ thông tin (computer), tự động hóa trong canh tác chăm sóc cây trồng như điều tiết nhiệt độ, ẩm độ, cường độ và thời gian chiếu sáng, tưới tiêu nước, sử dụng phân bón, phòng trừ sinh vật hại, thu hoạch nông sản...

Trong quá trình thực hiện, tiêu chí này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

6.2. sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận.

7. Ký kết tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề nông thôn và có phương án cụ thể.

8. Ngành nghề nông thôn: các huyện, quận vùng ven, gồm:

- Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn:
- + Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản;
- + Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ ở nông thôn;
- + Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn;
- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ;
- Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ